

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CỦA: CÔNG TY CỔ PHẦN ZENLUBE VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	3 – 4
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	8
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	9 – 20

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc 31/12/2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0106473895 lần đầu ngày 04/03/2014, thay đổi lần thứ 3 ngày 24/10/2014.

Trụ sở chính: Lô A11, khu liên cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng chẵn).

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Trần Nhật Linh	Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 18/04/2014
Ông Tạ Mạnh Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	Bầu ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	Bầu ngày 18/04/2014
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/10/2014

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Nhật Linh	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/04/2014
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/04/2014

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Nhật Linh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Trụ sở chính tại Hà Nội

: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CAHN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tel: (04) 44 500 668

- Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam

: C14, Quang Trung, phường 11

- Tel: (08)3 589 7462

- Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM

: Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM

- Tel: (08)3 848 0763

- Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng

: Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng

- Tel: (0511)3 651 818

- Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn

: Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu

- Tel: (025)3 718 545

- Fax: (025)3 716 264

Số: 60A/2015/BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam được lập ngày 18 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 20, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2015

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



TU QUYNH HẠNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0313-2014-045-1

LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1026-2014-045-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.149.887.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.171.927.524
1. Tiền	111		1.171.927.524
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		779.292.500
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	779.292.500
IV. Hàng tồn kho	140		1.555.638.870
1. Hàng tồn kho	141	V.03	1.555.638.870
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		643.028.460
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.04	126.654.001
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	516.374.459
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.180.215.741
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0
II. Tài sản cố định	220		1.233.890.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	1.233.890.753
- Nguyên giá	222		1.309.516.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.625.611)
III. Bất động sản đầu tư	240		0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0
V. Tài sản dài hạn khác	260		946.324.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	946.324.988
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.330.103.095

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		1.309.753.139
I. Nợ ngắn hạn	310		1.309.753.139
2. Phải trả người bán	312	V.08	871.148.765
3. Người mua trả tiền trước	313		139.937.433
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	104.832.413
5. Phải trả người lao động	315		159.482.900
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	34.351.628
II. Nợ dài hạn	330		0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.020.349.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	5.020.349.956
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.349.956
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.330.103.095

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngày 18 tháng 03 năm 2015

Giám đốc







Tráng Thị Hoa

Nguyễn Văn Minh

Trần Nhật Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.12	27.091.619.738
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		27.091.619.738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.13	25.607.323.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.484.295.864
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14	1.326.908
7. Chi phí tài chính	22		0
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		0
8. Chi phí bán hàng	24		6.927.273
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.289.640.279
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		189.055.220
11. Thu nhập khác	31	VI.15	150.862.168
12. Chi phí khác	32	VI.16	313.827.701
13. Lợi nhuận khác	40		(162.965.533)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.089.687
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.17	5.739.731
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.349.956
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

Người lập biểu



Tráng Thị Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Minh



Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Giám đốc

Trần Nhật Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	29.203.213.268
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(28.233.335.875)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.466.633.398)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.235.500.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(3.153.216.456)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.414.472.461)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21	(1.565.789.091)
2. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TS dài hạn khác	22	150.862.168
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.326.908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.413.600.015)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	5.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.171.927.524
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.171.927.524

Người lập biểu

Kế toán trưởng







Lập, ngày 18 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Tráng Thị Hoa

Nguyễn Văn Minh

Trần Nhật Linh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ZENLUBE Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0106473895 lần đầu ngày 04/03/2014, thay đổi lần thứ 3 ngày 24/10/2014.

Trụ sở chính : Lô A11, khu liên cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VND (Năm tỷ đồng chẵn).

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông góp vốn	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Trần Nhật Linh	1.740.000.000	34,8
2	Ông Tạ Mạnh Thắng	1.700.000.000	34,0
3	Ông Nguyễn Văn Minh	1.130.000.000	22,6
4	Bà Khuất Thị Hồng Việt	430.000.000	8,6
Cộng		5.000.000.000	100

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Xây dựng, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành
1	- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng, dầu, dầu nhờn và các sản phẩm dầu mỏ đã qua tinh chế; Bán buôn khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
2	- Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác (Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình).
3	- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp: aniline, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, paraffin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,... ; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn bột giấy; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
4	- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; + Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện); + Bán buôn máy móc thiết bị, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); + Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; + Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;

	+ Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; + Bán buôn máy móc, thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải; + Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; + Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.
5	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;
6	- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ nhà NƯỚC CẨM);
7	- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ loại mới và loại đã qua sử dụng;
8	- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi chở xuống)
9	- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
10	- Bốc xếp hàng hóa
11	- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);
12	- Xây dựng nhà các loại;
13	- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
14	- Hoàn thiện công trình xây dựng;
15	- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
16	- Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô
17	- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);
18	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh
19	- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
20	- Xây dựng công trình công ích;
21	- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng đường hầm; Xây dựng các công trình thể thao ngoài trời;
22	- Phá dỡ;
23	- Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Làm sạch mặt bằng xây dựng; Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng;
24	- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; Lắp đặt vật liệu chịu lửa lò hơi, lò luyện thép và các lò công nghiệp; Lắp đặt vật liệu cách âm, cách nhiệt;
25	- Lắp đặt hệ thống điện

26	- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí
27	- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà; Chống chân trụ; Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất; Uốn thép; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng dàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng đỡ bỏ hoặc phá hủy cả công trình xây dựng; Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp;
28	- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc 03 năm

- Phương tiện vận tải 05 năm
- Máy móc thiết bị 03 năm
- Thiết bị văn phòng 03 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là giá trị các công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Chi phí công cụ dụng cụ có giá trị lớn;
- Chi phí bảo hiểm xe ô tô.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

8.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

8.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

- Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ.
- Thuế suất thuế TNDN năm 2014 là 22%.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

- Tiền mặt
- Tiền gửi ngân hàng (VND)
 - + BIDV Tây Hà Nội
 - + Vietcombank Thăng Long
 - + MB Mỹ Đình

Cộng

Số cuối năm

976.945.066

194.982.458

1.815.969

191.404.178

1.762.311

1.171.927.524

02. Phải thu khách hàng

- Công ty CP Tân Thành Nam

Cộng

Số cuối năm

779.292.500

779.292.500

03. Hàng tồn kho

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Hàng hoá

Cộng

Số cuối năm

372.122.890

1.183.515.980

1.555.638.870

04. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng
- Chi phí thuê văn phòng

Cộng

Số cuối năm

96.654.001

30.000.000

126.654.001

05. Tài sản ngắn hạn khác

- Tạm ứng
- Đặt cọc tiền thuê văn phòng

Cộng

Số cuối năm

505.874.459

10.500.000

516.374.459

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu năm	0	0	0
- Mua trong năm	777.272.727	818.516.364	41.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	(327.272.727)	0	0
Số dư cuối năm	450.000.000	818.516.364	41.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	0	0	0
- Khấu hao trong năm	22.292.277	66.969.696	0
- Thanh lý, nhượng bán	(13.636.362)	0	0
Số dư cuối năm	8.655.915	66.969.696	0
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH			
- Tại ngày đầu năm	0	0	0
- Tại ngày cuối năm	441.344.085	751.546.668	41.000.000
			1.233.890.753

07. Chi phí trả trước dài hạn		Số cuối năm
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng		925.324.988
- Chi phí thuê văn phòng		21.000.000
Cộng		946.324.988
08. Phải trả người bán		Số cuối năm
- Công ty CP Portserco		436.668.027
- Công ty CP Thương mại Dầu Khí Trường An		75.657.620
- Công ty CP TM&XNK Hải Bình		45.100.000
- Các đối tượng khác		313.723.118
Cộng		871.148.765
09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng		96.990.332
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.739.731
- Thuế thu nhập cá nhân		2.102.350
Cộng		104.832.413
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác		Số cuối năm
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		34.351.628
Cộng		34.351.628

11. Vốn chủ sở hữu

11.1- Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	0	0	0
- Tăng vốn trong năm nay	5.000.000.000	0	5.000.000.000
- Lãi trong năm nay	0	20.349.956	20.349.956
Số dư cuối năm nay	5.000.000.000	20.349.956	5.020.349.956

11.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm
Ông Trần Nhật Linh	1.740.000.000
Ông Tạ Mạnh Thắng	1.700.000.000
Ông Nguyễn Văn Minh	1.130.000.000
Bà Khuất Thị Hồng Việt	430.000.000
Cộng	5.000.000.000

11.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	0
+ Vốn góp tăng trong năm	5.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	0
+ Vốn góp cuối năm	5.000.000.000
Cổ tức và lợi nhuận đã chia	-

11.4. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	500.000
Cộng	500.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Đơn vị tính: VND</u>
12. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>Năm nay</u>
- Doanh thu bán hàng	22.050.039.738
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.041.580.000
Cộng	27.091.619.738
13. Giá vốn	<u>Năm nay</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.240.739.795
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.366.584.079
Cộng	25.607.323.874
14. Doanh thu hoạt động tài chính	<u>Năm nay</u>
- Lãi tiền gửi	1.326.908
Cộng	1.326.908
15. Thu nhập khác	<u>Năm nay</u>
- Thu từ thanh lý tài sản	150.862.168
Cộng	150.862.168
16. Chi phí khác	<u>Năm nay</u>
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	313.636.365
- Các khoản khác	191.336
Cộng	313.827.701

17. Thuế TNDN hiện hành

- Lợi nhuận kế toán trước thuế
- Chi phí bị loại trừ khi tính thuế
- Thu nhập chịu thuế
- Chi phí thuế TNDN (thuế suất 22%)

Năm nay

26.089.687
 0
 26.089.687
 5.739.731

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động nên không có số liệu so sánh.

2. Công cụ tài chính

2.1 Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

2.2 Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	1.171.927.524	1.171.927.524
- Các khoản phải thu khách hàng	779.292.500	779.292.500

2.3 Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/12/2014

- Phải trả người bán	871.148.765
- Phải trả khác	34.351.628

2.4 Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua hàng hoá nguyên liệu từ các nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên liệu, hàng hoá. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng với số lượng lớn và linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	871.148.765	-	871.148.765
- Phải trả khác	34.351.628	-	34.351.628

3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2014
I. Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
1 Bố trí cơ cấu tài sản		
1.1 Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/ Σ tài sản	%	34,44
1.2 Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/ Σ tài sản	%	65,56
2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
2.1 Nợ phải trả/ Σ nguồn vốn	%	20,69
2.2 Nguồn vốn chủ sở hữu/ Σ nguồn vốn	%	79,31
II Khả năng thanh toán		
1 Khả năng thanh toán hiện hành (Σ tiền và tương đương tiền/ Σ nợ ngắn hạn)	lần	0,89
2 Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn (Σ TS ngắn hạn/ Σ Nợ ngắn hạn)	lần	3,17
3 Khả năng thanh toán nhanh Σ (Tiền+Đầu tư ngắn hạn)/ Σ Nợ ngắn hạn	lần	0,89
III Tỷ suất lợi nhuận		
1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
1.1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	0,10
1.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,08
2 Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản		
2.1 Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Σ tài sản	%	0,41
2.2 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Σ tài sản	%	0,32
3 Tỷ suất lợi nhuận/nguồn vốn chủ sở hữu	%	0,41

Người lập biểu



Tráng Thị Hoa

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Minh



Lập ngày 18 tháng 03 năm 2015

Giám đốc



Trần Nhật Linh